

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 55

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam (gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đặng Trọng Ngồn	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 25/05/2015)
Ông Đoàn Đức Hồng	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 25/05/2015)
	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 25/05/2015)
Ông Nguyễn Trọng Bình	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 25/05/2015)
Ông Nguyễn Thành Đồng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 25/05/2015)
Ông Phan Anh Quang	Thành viên
Ông Nguyễn Đậu Thảo	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 25/05/2015)
Ông Phan Tất Trung	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 25/05/2015)
Ông Thái Văn Chấn	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 25/05/2015)
Bà Nguyễn Thị Tâm	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 25/05/2015)
Ông Nguyễn Tịnh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 25/05/2015)
Ông Trương Phước Nghĩa	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 25/05/2015)
Ông Lê Thanh Hồng	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 25/05/2015)
Ông Phan Trịnh Anh Tuấn	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 25/05/2015)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đoàn Đức Hồng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trọng Bình	Phó Tổng Giám đốc (Nghỉ hưu từ ngày 01/07/2015)
Ông Trần Văn Huy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tịnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ngô Văn Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Anh Quang	Kế toán trưởng

Ban Kiểm soát

Ông Lê Chí Dũng	Trưởng ban
Ông Lê Minh Tuấn	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thúy Vinh	Thành viên

Đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty

Ông Đoàn Đức Hồng	Tổng Giám đốc
-------------------	---------------

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc.



Doan Đức Hồng
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 03 năm 2016



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Address: 15th Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyễn Huy Tưởng Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: + 84 (4) 666 42 777 Fax: + 84 (4) 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 102.03/2016/BCKT-IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam (gọi tắt là “Tổng Công ty”), được lập ngày 28 tháng 03 năm 2016, từ trang 6 đến trang 56, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là “Báo cáo tài chính hợp nhất”).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Nam Cường

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1950-2013-072-01

Thay mặt và đại diện cho

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài
chính Quốc tế (IFC)**

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2016

A blue ink signature of Trần Thiện Thanh.

Trần Thiện Thanh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1932-2013-072-01

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015


MẪU SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.086.704.337.081	913.473.537.301
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	109.511.515.958	241.697.097.103
1. Tiền	111		109.511.515.958	234.697.097.103
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	7.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		151.077.182.511	19.117.131.353
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.3a	60.128.920.513	13.121.612.992
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.3a	(5.771.738.002)	(5.784.831.750)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.3b	96.720.000.000	11.780.350.111
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		755.371.391.665	568.145.638.364
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	344.559.107.185	199.849.321.900
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	161.945.550.652	165.675.950.286
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		220.000.000	-
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	339.480.911.936	309.819.687.614
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(91.266.303.080)	(107.320.141.436)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		432.124.972	120.820.000
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	63.491.109.368	80.500.696.414
1. Hàng tồn kho	141		63.712.731.521	80.602.781.670
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(221.622.153)	(102.085.256)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.253.137.579	4.012.974.067
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12	4.657.406.595	1.707.742.426
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.566.668.071	2.276.257.797
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		29.062.913	28.973.844
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		784.776.807.776	703.718.418.060
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		688.169.765	8.000.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.2	879.003.570	-
2. Phải thu dài hạn khác	216		-	8.000.000.000
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(190.833.805)	-
II. Tài sản cố định	220		180.687.827.365	190.822.050.778
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	155.535.141.814	166.740.762.606
- Nguyên giá	222		271.457.404.263	290.934.208.991
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(115.922.262.449)	(124.193.446.385)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	25.152.685.551	24.081.288.172
- Nguyên giá	228		25.826.372.646	24.740.597.208
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(673.687.095)	(659.309.036)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.10	164.890.971.864	165.524.197.448
- Nguyên giá	231		167.931.157.614	167.931.157.614
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(3.040.185.750)	(2.406.960.166)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		355.015.172.586	250.640.553.141
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	355.015.172.586	250.640.553.141
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		67.023.453.702	68.651.645.447
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.13	20.929.451.027	22.170.887.572
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.14	47.978.685.637	48.541.201.110
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.884.682.962)	(2.060.443.235)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		16.471.212.494	20.079.971.246
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	16.090.158.028	19.082.445.952
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		381.054.466	997.525.294
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.871.481.144.857	1.617.191.955.361

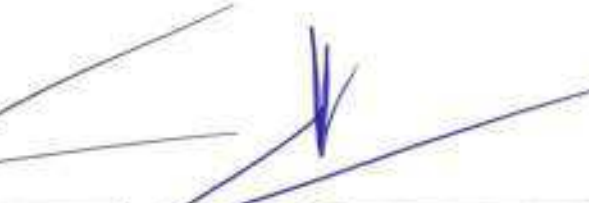
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		850.857.699.764	809.010.870.813
I. Nợ ngắn hạn	310		845.041.847.012	613.912.072.941
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	141.758.369.675	154.027.079.896
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		68.032.866.103	35.239.840.954
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	19.096.651.524	22.575.136.532
4. Phải trả người lao động	314		19.350.954.601	27.362.346.715
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	130.435.910.323	81.748.555.014
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	21.501.246.186	27.338.337.931
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	433.922.197.622	256.144.121.349
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		7.937.252.934	7.724.909.770
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.006.398.044	1.751.744.780
II. Nợ dài hạn	330		5.815.852.752	195.098.797.872
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.18	-	340.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20	5.815.852.752	194.758.797.872
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.020.623.445.093	808.181.084.548
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	1.020.623.445.093	808.181.084.548
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		823.575.050.000	637.210.610.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		823.575.050.000	637.210.610.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.529.967.267	2.732.367.267
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		3.665.281.617	2.627.092.916
4. Cổ phiếu quỹ	415		(32.266.438.147)	(31.963.638.147)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		16.985.830.674	16.985.830.674
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		26.248.296	26.248.296
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		161.624.803.178	134.063.450.395
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		65.022.597.289	45.071.645.112
- LNST chưa phân phối năm này	421b		96.602.205.889	88.991.805.283
8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		44.482.702.208	46.499.123.147
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.871.481.144.857	1.617.191.955.361


Trần Quang Cần
Người lập biểu

Ngày 28 tháng 03 năm 2016



Phan Anh Quang
Kế toán trưởng


Đoàn Đức Hồng
Tổng Giám đốc


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 02-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.043.584.739.816	1.034.933.001.313
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	32.890.909	114.663.643
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.043.551.848.907	1.034.818.337.670
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	875.402.056.559	721.518.390.788
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		168.149.792.348	313.299.946.882
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	35.615.211.593	16.961.342.800
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	34.427.860.270	75.482.710.374
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		30.494.054.649	54.513.936.385
8. Lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		4.276.773.471	6.117.188.294
9. Chi phí bán hàng	25		2.178.274.458	2.797.966.981
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		64.042.174.746	83.511.697.236
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		107.393.467.938	174.586.103.385
12. Thu nhập khác	31	VI.5	29.878.096.079	8.003.231.235
13. Chi phí khác	32	VI.6	8.320.027.310	60.317.189.976
14. Lợi nhuận khác	40		21.558.068.769	(52.313.958.741)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		128.951.536.707	122.272.144.644
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		29.202.973.018	12.529.769.678
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(381.054.466)	16.676.961.070
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		100.129.618.155	93.065.413.896
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		96.602.205.889	88.991.805.283
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		3.527.412.266	4.073.608.613
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	1.327	1.282
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-


Trần Quang Cận
Người lập biểu

Ngày 28 tháng 03 năm 2016



Phan Anh Quang
Kế toán trưởng



Đoàn Đức Hồng
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 03-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2015	Năm 2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	128.951.536.707	122.272.144.644
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	11.545.957.866	11.439.568.298
Các khoản dự phòng	03	(15.932.321.675)	16.530.701.170
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(9.548.239)	(15.449)
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(28.976.733.202)	(17.252.760.035)
Chi phí lãi vay	06	30.494.054.649	54.513.936.385
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi VLD	08	126.072.946.106	187.503.575.013
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(98.084.575.088)	(8.707.349.840)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	16.890.050.149	25.378.398.562
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(9.572.115.297)	43.364.627.876
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	42.623.755	2.975.444.451
(Tăng)/Giảm chứng khoán kinh doanh	13	(47.007.307.521)	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(31.195.500.325)	(63.547.705.586)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(26.075.328.943)	(7.636.329.855)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	616.470.828	20.052.194.332
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(8.017.397.053)	(22.628.863.762)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(76.330.133.389)	176.753.991.191
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSHĐ khác	21	(108.580.618.864)	(32.857.581.046)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	665.948.435	7.010.343.765
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(210.300.331.209)	(476.061.660)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	118.420.998.926	5.685.160.174
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	32.390.068.000	164.213.208.700
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.664.167.464	4.383.660.991
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(164.739.767.248)	147.958.730.924
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và nhận vốn góp của CSH	31	124.243.270.000	-
2. Mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(302.800.000)	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	513.385.328.118	934.988.227.296
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(524.550.196.965)	(1.101.181.225.555)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.900.829.900)	(15.375.806.906)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	108.874.771.253	(181.568.805.165)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(132.195.129.384)	143.143.916.950
Tiền đầu năm	60	241.697.097.103	98.553.164.704
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		9.548.239	15.449
Tiền cuối năm	70	109.511.515.958	241.697.097.103


Trần Quang Cận
Người lập biểu
Ngày 28 tháng 03 năm 2016


Phan Anh Quang
Kế toán trưởng


Đoàn Đức Hồng
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam (“Tổng Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 3309/QĐ-BCN ngày 11 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc phê duyệt Phương án và chuyển Công ty Xây lắp điện 3 thành Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam.

Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Đăng ký thuế số 0400101450 (thay đổi lần thứ 7 ngày 17 tháng 12 năm 2015) thay thế cho Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số số 3203000819 ngày 01 tháng 12 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp.

Tổng Công ty có tổng số vốn điều lệ là 637.210.610.000 đồng và trụ sở chính tại số 344 Phan Châu Trinh, phường Bình Thuận, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Xây dựng các công trình lưới điện và trạm biến áp đến 500KV, các công trình nguồn điện, công trình giao thông, thủy lợi, viễn thông, văn hóa, thể thao, sân bay, bến cảng; Xây dựng hệ thống cấp ngầm cấp điện áp đến 220KV;
- Tư vấn đầu tư, tư vấn xây dựng, bao gồm lập và thẩm định dự án đầu tư; Tư vấn quản lý dự án; Tư vấn đấu thầu và hợp đồng kinh tế; Tư vấn mua sắm vật tư, thiết bị, công nghệ;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất và kinh doanh điện; Đầu tư nhà máy điện độc lập;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Đào tạo công nhân kỹ thuật, chuyên gia, cán bộ quản lý phục vụ cho nhu cầu phát triển của doanh nghiệp;
- Xây dựng công trình công nghiệp và dân dụng;
- Dịch vụ tắm hơi, massage;
- Thí nghiệm hiệu chỉnh xác định chỉ tiêu kỹ thuật các thiết bị điện, các công trình điện;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế mới, khu du lịch sinh thái; Cho thuê văn phòng, mặt bằng kinh doanh;
- Sản giao dịch bất động sản (trừ đấu giá bất động sản); Định giá bất động sản; Tư vấn bất động sản; Quảng cáo bất động sản; Quản lý bất động sản;
- Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng;
- Khảo sát, đo đạc, thiết kế quy hoạch, thiết kế công trình;
- Kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế;
- Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch;
- Vận tải hành khách ven biển;
- Thiết kế, chế tạo kết cấu thép, các sản phẩm cơ khí và mạ kẽm;
- Sản xuất các chủng loại vật tư, thiết bị, phụ kiện điện, cột điện bê tông ly tâm và các loại sản phẩm bê tông khác; Sản xuất, kinh doanh các chủng loại vật liệu xây dựng;
- Bán buôn các mặt hàng trang trí nội, ngoại thất; Bán buôn thiết bị vệ sinh;
- Kinh doanh xăng dầu;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu: vật tư thiết bị điện, vật liệu xây dựng, thiết bị phương tiện vận tải, xe máy thi công; dây truyền công nghệ và các thiết bị công nghiệp khác; Bán buôn thiết bị văn phòng;
- Đầu tư tài chính;
- Khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản;
- Kinh doanh các dịch vụ du lịch, thể thao, vui chơi giải trí;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Kinh doanh, sửa chữa xe máy thi công và phương tiện vận tải;
- Bán buôn, lắp đặt thiết bị điện, điện tử viễn thông, điện gia dụng;
- Bán buôn bánh kẹo, rượu, bia, thuốc lá điều sản xuất trong nước; Bán buôn các mặt hàng nông, lâm sản, thực phẩm;
- Bán buôn hóa mỹ phẩm, hàng thủ công mỹ nghệ, sản phẩm bằng gỗ, đồ dùng cá nhân và gia đình.

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, hoạt động chính của Tổng Công ty là xây lắp các công trình nguồn điện, hệ thống lưới điện, trạm biến áp điện; Kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng kỹ thuật đô thị.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian trên 12 tháng, tùy thuộc vào các công trình xây lắp do Tổng Công ty ký kết với các chủ đầu tư.

Cấu trúc doanh nghiệp

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam gồm:

Đơn vị

Văn phòng Tổng Công ty

Địa chỉ

Số 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Đơn vị trực thuộc

1. Khách sạn xanh Đà Nẵng
2. Sân Giao dịch bất động sản VNECO

Địa chỉ

Số 64 Hoàng Văn Thái, Quận Liên Chiểu,
Thành phố Đà Nẵng
Số 02 Lê Lợi, Phường Vĩnh Ninh, Thành phố
Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

Công ty con

1. Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 3
2. Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 4
3. Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 8
4. Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 12
5. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Điện MÊCA-VNECO
6. Công ty Cổ phần Du lịch Xanh Huế VNECO
7. Công ty TNHH Quản lý dự án Core Asia

Địa chỉ

Khối 3, Phường Trung Đô, Thành phố Vinh,
Tỉnh Nghệ An
Số 197 Nguyễn Trường Tộ, Thành phố Vinh,
Tỉnh Nghệ An
Số 10 Đào Duy Từ, Thành phố Buôn Ma
Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
Số 155 Lý Thường Kiệt, Thành phố Đồng Hới,
Tỉnh Quảng Bình
R1-72 Bùi Bằng Đoàn, Phú Mỹ Hưng, Quận 7,
Thành phố Hồ Chí Minh
Số 2 Lê Lợi, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên
Huế
Lầu 1, Tòa nhà Sông Đà, Số 14B Kỳ Đồng,
Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

Công ty liên kết

Địa chỉ

- | | |
|---|--|
| 1. Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 2 | Số 13 Mai Hắc Đế, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An |
| 2. Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 7 | Số 51 Phạm Như Xương, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng |
| 3. Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 10 | Phường Trần Quang Diệu, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định |

Các sự kiện quan trọng đã xảy ra trong năm tài chính

Trong năm 2015, Công ty đã thực hiện phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2014 và chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với số lượng cổ phiếu là 18.636.444 cổ phiếu và mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

Trong năm 2015, Công ty đã thực hiện đầu tư vốn và thoái vốn tại Công ty con và công ty liên kết, chi tiết như sau:

Công ty	Vốn đầu tư VND
<u>Đầu tư vào công ty con</u>	
Công ty TNHH Quản lý dự án Core Asia	1.020.000.000
<u>Thoái vốn tại các công ty con</u>	
Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng VNECO	5.102.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Xanh Nghệ An	13.885.939.500
<u>Thoái vốn tại các công ty liên kết</u>	
Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 5	4.050.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 6	10.636.550.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 11	9.560.000.000

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

III. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Các thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 06 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (Tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty có 07 (bảy) công ty con. Chi tiết về các Công ty con của Tổng Công ty được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

1. Tên Công ty : Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3
Địa chỉ : Khối 3, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Hoạt động chính : Xây lắp các công trình, nguồn điện, hệ thống lưới điện và trạm biến áp điện
Giá trị đầu tư : 6.985.720.000 đồng
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 52,93%
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 52,93%
2. Tên Công ty : Công ty CP Xây dựng điện VNECO 4
Địa chỉ : Số 197, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Đông Vinh, thành phố Vinh
Hoạt động chính : Lắp đặt hệ thống điện; Xây dựng công trình; Kinh doanh vật liệu, ...
Giá trị đầu tư : 5.192.580.000 đồng
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 54,73%
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 54,73%
3. Tên Công ty : Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8
Địa chỉ : Số 10 Đào Duy Từ, thành phố Buon Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
Hoạt động chính : Xây lắp các công trình lưới điện; Kinh doanh thiết bị, vật liệu điện
Giá trị đầu tư : 9.746.980.000 đồng
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 55,93%
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 55,93%
4. Tên Công ty : Công ty CP Xây dựng điện VNECO 12
Địa chỉ : Số 155 Lý Thường Kiệt, thành phố Đồng Hới, Quảng Bình
Hoạt động chính : Xây lắp các công trình lưới điện; Kinh doanh thiết bị, vật liệu xây lắp
Giá trị đầu tư : 7.887.000.000 đồng
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 65,73%
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 65,73%
5. Tên Công ty : Công ty CP Đầu tư và Xây dựng điện MÊCA-VNECO
Địa chỉ : R1-72 Bùi Bằng Đoàn, Phú Mỹ Hưng, Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh
Hoạt động chính : Lắp đặt hệ thống điện; Xây dựng công trình; Kinh doanh vật liệu xây dựng
Giá trị đầu tư : 63.100.000.000 đồng
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 70,05%
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 70,05%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (Tiếp theo)

6. Tên Công ty : Công ty CP Du lịch Xanh Huế VNECO
Địa chỉ : Số 2 Lê Lợi, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế
Hoạt động chính : Hoạt động xây lắp; Kinh doanh nhà hàng, khách sạn
Giá trị đầu tư : 58.913.000.000 đồng
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 98,35%
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 98,35%
7. Tên Công ty : Công ty TNHH Quản lý dự án Core Asia
Địa chỉ : Lầu 1, Tòa nhà Sông Đà, Số 14B Kỳ Đồng, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
Hoạt động chính : Tư vấn, Quản lý các dự án đầu tư
Giá trị đầu tư : 1.020.000.000 đồng
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 51%
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 51%

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Tổng Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải	04 - 10
Tài sản khác	03 - 10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao; Giá trị giấy phép chuyên nhượng và phần mềm máy tính ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao và tài sản trên đất nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

Bất động sản đầu tư là tài sản trên đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 25 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 2 năm.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Trái phiếu phát hành

Tổng Công ty phát hành trái phiếu thường cho mục đích vay dài hạn.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán bất động sản Tổng Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Tổng Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	2.206.229.372	3.457.675.724
Tiền gửi ngân hàng	107.305.286.586	231.239.421.379
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	-	7.000.000.000
Cộng	109.511.515.958	241.697.097.103

2. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
BQLDA các công trình Điện Miền Trung	67.108.362.726	40.270.133.789
Công ty CP Năng lượng tái tạo Châu Á	64.734.527.764	-
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Điện Hải Xuân VNECO	47.235.359.333	4.956.595.278
BQLDA Phát triển Điện lực miền Bắc	37.660.157.388	-
BQLDA Các công trình Điện Miền Bắc	36.998.052.940	33.762.761.531
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 4	21.502.667.587	-
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Sản xuất và	10.000.000.000	10.000.000.000
BQLDA Các công trình Điện Miền Nam	7.529.673.155	32.559.512.087
Công ty TNHH MTV Xây dựng điện 2	1.456.862.139	1.513.347.067
Công ty TNHH Hùng Quý	-	19.318.592.236
Công ty CP Xây Dựng Mai Linh Hà Tĩnh	-	22.008.559.073
Các đối tượng khác	50.333.444.153	35.459.820.839
Cộng	344.559.107.185	199.849.321.900
b. Phải thu dài hạn của khách hàng		
Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 5	381.667.609	-
Ban quản lý Dự án Thủy điện 7	221.445.402	-
Ban quản lý Dự án Thủy điện Sông Bung 4	275.890.559	-
Cộng	879.003.570	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

a. Chứng khoán kinh doanh

Mã chứng khoán	31/12/2015				01/01/2015			
	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
LAF	-	-	-	-	134.000	2.635.146.800	1.422.600.000	(1.212.546.800)
SDP	32.700	782.351.220	143.880.000	(638.471.220)	32.700	782.351.220	356.430.000	(425.921.220)
VFR	130.000	3.947.111.800	2.002.000.000	(1.945.111.800)	130.000	3.947.111.800	2.327.000.000	(1.620.111.800)
LCG	309.000	5.278.706.200	2.163.000.000	(3.115.706.200)	309.000	5.278.706.200	2.811.900.000	(2.466.806.200)
VE9	282	3.011.852	2.008.800	(1.003.052)	4.086	37.372.861	68.644.800	-
DPM	5.000	213.445.730	148.500.000	(71.445.730)	5.000	213.445.730	154.000.000	(59.445.730)
GEX	2.800.000	49.634.340.000	63.280.000.000	-	-	-	-	-
SSM	30.000	269.953.711	411.000.000	-	25.100	227.478.381	313.750.000	-
Cộng		60.128.920.513	68.150.388.800	(5.771.738.002)		13.121.612.992	7.454.324.800	(5.784.831.750)

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Tiền gửi có kỳ hạn	96.720.000.000	96.720.000.000	11.780.350.111	11.780.350.111
Cộng	96.720.000.000	96.720.000.000	11.780.350.111	11.780.350.111

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Công ty CP DVTM Kinh doanh Nhà Tin Nghĩa	65.000.000.000	65.000.000.000
Công ty TNHH Thương mại XD Phúc Vân Hà	50.728.000.000	50.728.000.000
Bộ chỉ huy quân sự - TP Đà Nẵng	22.793.022.727	22.793.022.727
Công ty CP Điện Tự Động Nam Thịnh	1.888.882.240	1.839.732.996
Công ty CP Tư Vấn & Xây Dựng VNECO	8.616.499.178	3.936.602.780
Các khoản trả trước cho người bán khác	12.919.146.507	18.120.031.247
b. Trả trước ngắn hạn cho các bên liên quan		
- Công ty CP Xây dựng điện VNECO 7	-	3.258.560.536
Cộng	161.945.550.652	165.675.950.286

5. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
- Phải thu người lao động	-	1.638.531.447
- Kinh phí đền bù thi công	4.155.968.823	1.763.507.240
- Dự án 293 Nguyễn Văn Trỗi, HCM	205.340.573.879	205.340.573.879
- BQLDA các công trình điện Miền Nam	23.205.537.177	183.187.950
- BQLDA các công trình điện Miền Trung	3.921.694.029	4.580.110.003
- BQLDA các công trình điện Miền Bắc	10.576.527.838	878.366.483
- Tạm ứng	25.622.311.134	33.240.373.190
- Ký cược, ký quỹ	8.443.806.993	374.020.006
- Phải thu các đối tượng khác	58.214.492.063	61.821.017.416
Cộng	339.480.911.936	309.819.687.614
b. Dài hạn		
- Ký cược dài hạn tiền đặt cọc cam kết tiến độ triển khai Dự án Khu DL xanh Lăng Cô	-	8.000.000.000
Cộng	-	8.000.000.000
c. Phải thu khác các bên liên quan		
- Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2	741.189.509	616.277.161
- Công ty CP Xây dựng điện VNECO 7	3.441.202.176	18.624.942.293
- Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	703.872.540	614.349.120
Cộng	4.886.264.225	19.855.568.574

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

MẪU SỐ B 09-DN/HN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

6. NỢ XẤU

Đối tượng nợ	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<u>Phải thu khách hàng</u>				
Ban QLDA lưới điện - Công ty Điện lực 3	112.283.618	-	112.283.618	-
Ban A - Công ty Truyền tải Điện 4	170.167.570	-	170.167.570	-
Ban A - Hàm Thuận Đa My	570.974.554	-	570.974.554	-
Các đối tượng khác	69.245.115	-	69.245.115	-
<u>Trả trước cho người bán</u>				
Công ty CP DVTM Kinh doanh Nhà Tin Nghĩa (*)	65.000.000.000	65.000.000.000	65.000.000.000	65.000.000.000
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Phúc Vân Hà (*)	50.728.000.000	50.728.000.000	50.728.000.000	50.728.000.000
Công ty TNHH Tư vấn hoạch định nguồn lực DN E.R.P	195.000.000	-	195.000.000	-
Công ty TNHH An Thuận	119.361.786	-	119.361.786	-
VP Tư vấn & CGCN DHKT Hà Nội	140.000.000	-	140.000.000	-
Các đối tượng khác	221.031.500	-	221.031.500	-
<u>Phải thu khác</u>				
Lâm Phúc Lâm và Lê Thị Thùy Vân (*)	182.520.858.333	145.000.000.000	182.520.858.333	145.000.000.000
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Phúc Vân Hà (*)	22.819.715.546	-	22.819.715.546	-
Ông Lý Quốc Cường	3.100.601.109	-	3.100.601.109	-
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 6	2.493.124.447	32.796.916	2.493.124.447	2.493.124.447
Các đối tượng khác	23.415.323.212	-	42.086.263.719	-
Cộng	351.675.686.790	260.760.796.916	370.346.627.297	263.221.124.447

(*) Các khoản ứng tiền trước cho người bán và phải thu liên quan đến hoạt động chuyển nhượng bất động sản tại đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh và đường Nguyễn Đình Chinh, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại thời điểm kiểm toán, Tổng Công ty đã nắm giữ các giấy tờ liên quan đến quyền sở hữu đất và tài sản trên đất, tuy nhiên Tổng Công ty vẫn đang trong quá trình thực hiện thủ tục chuyển quyền sở hữu từ các đối tượng phải thu trên sang thuộc quyền sở hữu của Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Số 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****6. NỢ XẤU (TIẾP)**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Tạm ứng				
Huỳnh Anh Đức	109.623.449	-	109.623.449	-
Phan Đình Hùng	99.500.000	-	99.500.000	-
Các đối tượng khác	142.289.757	-	142.289.757	-
Cộng	351.413.206	-	351.413.206	156.774.620
				Quá hạn thanh toán
				Trên 3 năm
				Trên 3 năm
				Trên 1 năm
				Trên 1 năm

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	36.796.636.480	(33.762.087)	25.191.255.537	(33.762.087)
Công cụ, dụng cụ	1.826.825.678	(1.878.552)	1.503.123.866	(1.878.552)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	14.862.275.655	-	44.906.319.066	-
Thành phẩm nhập kho	9.538.848.111	(185.981.514)	8.499.455.626	(66.444.617)
Hàng hoá	330.430.079	-	463.015.740	-
Hàng gửi bán	357.715.518	-	39.611.835	-
Cộng	63.712.731.521	(221.622.153)	80.602.781.670	(102.085.256)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Số 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***MẪU SỐ B 09-DN/HN****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Tài sản khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại 01/01/2015	194.362.183.087	58.802.004.723	29.956.272.266	7.813.748.915	290.934.208.991
Mua trong năm	3.588.370.000	3.070.049.274	9.042.958.937	42.439.091	15.743.817.302
Đầu tư XDCB hoàn thành	635.027.954	76.818.182	-	-	711.846.136
Thanh lý, nhượng bán	-	(58.208.000)	(3.744.344.340)	(92.458.488)	(3.895.010.828)
Giảm do thoái vốn tại Công ty con	(26.985.389.009)	(3.675.864.620)	(1.209.099.813)	(167.103.896)	(32.037.457.338)
Tại 31/12/2015	171.600.192.032	58.214.799.559	34.045.787.050	7.596.625.622	271.457.404.263
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại 01/01/2015	53.027.001.502	41.920.768.294	23.895.649.892	5.350.026.697	124.193.446.385
Khấu hao trong năm	5.675.413.828	3.121.590.235	1.578.346.693	523.003.467	10.898.354.223
Thanh lý, nhượng bán	-	(58.208.000)	(3.628.420.521)	(67.955.384)	(3.754.583.905)
Giảm do thoái vốn tại Công ty con	(11.226.174.299)	(2.842.740.555)	(1.209.099.813)	(136.939.587)	(15.414.954.254)
Tại 31/12/2015	47.476.241.031	42.141.409.974	20.636.476.251	5.668.135.193	115.922.262.449
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2015	141.335.181.585	16.881.236.429	6.060.622.374	2.463.722.218	166.740.762.606
Tại 31/12/2015	124.123.951.001	16.073.389.585	13.409.310.799	1.928.490.429	155.535.141.814

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Số 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***MÃU SỐ B 09-DN/HN****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYỄN GIÁ				
Tại 01/01/2015	24.056.210.348	50.086.320	634.300.540	24.740.597.208
Mua trong năm	1.529.775.438	-	60.000.000	1.589.775.438
Giảm do thoái vốn tại Công ty con	(504.000.000)	-	-	(504.000.000)
Tại 31/12/2015	25.081.985.786	50.086.320	694.300.540	25.826.372.646
HAO MÓN LŨY KẾ				
Tại 01/01/2015	-	50.086.320	609.222.716	659.309.036
Khấu hao trong năm	-	-	14.378.059	14.378.059
Tại 31/12/2015	-	50.086.320	623.600.775	673.687.095
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2015	24.056.210.348	-	25.077.824	24.081.288.172
Tại 31/12/2015	25.081.985.786	-	70.699.765	25.152.685.551

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Số 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***MÃU SỐ B 09-DN/HN****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****10. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Quyền sử dụng đất VND	Cơ sở hạ tầng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại 01/01/2015	13.682.880.148	56.303.942.600	97.944.334.866	167.931.157.614
Tại 31/12/2015	13.682.880.148	56.303.942.600	97.944.334.866	167.931.157.614
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại 01/01/2015	2.406.960.166	-	-	2.406.960.166
Khấu hao trong năm	633.225.584	-	-	633.225.584
Tại 31/12/2015	3.040.185.750	-	-	3.040.185.750
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2015	11.275.919.982	56.303.942.600	97.944.334.866	165.524.197.448
Tại 31/12/2015	10.642.694.398	56.303.942.600	97.944.334.866	164.890.971.864

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Xây dựng cơ bản		
- Dự án Đầu tư khu đô thị mới Mỹ Thượng, Thừa Thiên Huế	230.458.296.504	179.824.611.242
- Dự án Siêu thị GREEN MARK - Đà Nẵng	58.251.508.757	58.087.708.757
- Dự án Đầu tư khu du lịch Xanh Lăng Cô	14.064.683.024	10.971.564.842
- Dự án đầu tư trụ sở văn phòng làm việc của Tổng Công ty tại 344 Phan Châu Trinh - Đà Nẵng	208.166.345	-
- Dự án Khu Tổ hợp căn hộ cao cấp, trung tâm thương mại, dịch vụ và khách sạn VNECO Sơn Trà	50.910.877.610	-
- Các công trình khác	1.121.640.346	1.756.668.300
Cộng	355.015.172.586	250.640.553.141

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	4.657.406.595	1.707.742.426
Cộng	4.657.406.595	1.707.742.426
b) Dài hạn		
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	16.053.658.028	15.793.577.304
- Chi phí sửa chữa tài sản	-	58.063.416
- Chi phí trả trước dài hạn khác	36.500.000	3.230.805.232
Cộng	16.090.158.028	19.082.445.952

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

	31/12/2015		01/01/2015	
	Số lượng cổ phần	Giá trị VND	Số lượng cổ phần	Giá trị VND
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 2	679.075	5.854.100.000	679.075	5.854.100.000
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 5	-	-	413.100	4.050.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 6	-	-	1.063.655	10.636.550.000
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 7	956.000	9.560.000.000	956.000	9.560.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 10	300.000	3.000.000.000	300.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 11	-	-	1.668.205	16.682.050.000
Phần lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư trừ cổ tức được chia	-	2.515.351.027	-	(27.611.812.428)
Cộng		20.929.451.027		22.170.887.572

Thông tin chi tiết về các Công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

STT	Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
1	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2	Nghệ An	36.49%	Xây lắp các công trình lưới điện; Kinh doanh các thiết bị điện;...
4	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 7	Gia Lai	31.16%	Xây lắp các công trình lưới điện; Kinh doanh các thiết bị điện;...
5	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	Bình Định	30.05%	Xây lắp các công trình lưới điện; Kinh doanh các thiết bị điện;...

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Số 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***MÃU SỐ B 09-DN/HN****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****14. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC**

	31/12/2015				01/01/2015			
	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty CP Xây dựng điện VNECO	84.490	758.179.800	675.920.000	(82.259.800)	84.490	758.179.800	337.960.000	(420.219.800)
1								
Công ty CP Xây dựng điện VNECO	198.240	1.982.484.527	1.486.800.000	(495.684.527)	230.180	2.545.000.000	3.867.024.000	-
Công ty CP Chế tạo Kết cấu thép VNECO.SSM	277.904	5.114.023.435	3.807.284.800	(1.306.738.635)	277.904	5.114.023.435	3.473.800.000	(1.640.223.435)
Công ty CP Sông Ba	603.793	5.608.476.403	5.856.792.100	-	603.793	5.608.476.403	6.641.723.000	-
Công ty CP Thủy điện Sông Chồ	369.552	3.695.521.472	3.695.521.472	-	369.552	3.695.521.472	3.695.521.472	-
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Điện Hải Xuân VNECO	3.082.000	30.820.000.000	30.820.000.000	-	3.082.000	30.820.000.000	30.820.000.000	-
Cộng		47.978.685.637	46.342.318.372	(1.884.682.962)		48.541.201.110	48.836.028.472	(2.060.443.235)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Số 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***MẪU SỐ B 09-DN/HN****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn - không thuộc các bên liên quan				
Công ty CP Xây Dựng Mai Linh Hà Tĩnh	4.328.034.206	4.328.034.206	18.794.678.389	18.794.678.389
Công ty TNHH Về Nguồn	1.582.736.569	1.582.736.569	-	-
Công ty CP Xây dựng Điện Thái Nam Phát	3.469.725.648	3.469.725.648	3.619.076.940	3.619.076.940
Công ty CP Xây Dựng và Thương Mại Sao Vàng	7.700.977.779	7.700.977.779	5.319.427.562	5.319.427.562
Hợp Tác Xã Xuân Long	-	-	8.573.487.087	8.573.487.087
Phải trả cho các đối tượng khác	61.018.069.534	61.018.069.534	87.756.568.624	87.756.568.624
b) Các khoản phải trả ngắn hạn cho các bên liên quan				
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2	41.478.851.295	41.478.851.295	18.379.785.532	18.379.785.532
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 7	4.022.248.558	4.022.248.558	-	-
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	18.157.726.086	18.157.726.086	11.584.055.762	11.584.055.762
Cộng	141.758.369.675	141.758.369.675	154.027.079.896	154.027.079.896

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Số 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	1/1/2015
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	4.358.653.777	28.181.332.653	30.702.981.100	6.880.302.224
Thuế tiêu thụ đặc biệt	9.724.155	144.728.124	146.041.137	11.037.168
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.547.031.612	29.202.973.018	26.075.328.943	11.419.387.537
Thuế thu nhập cá nhân	126.648.550	867.718.264	764.698.762	23.629.048
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	26.915.760	4.464.507.676	8.301.791.250	3.864.199.334
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	27.677.670	366.169.404	715.072.955	376.581.221
Cộng	19.096.651.524	63.227.429.139	66.705.914.147	22.575.136.532

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Trích trước chi phí sản xuất kinh doanh	127.704.485.177	71.416.955.862
Chi phí lãi vay	299.956.740	1.001.402.416
Chi phí phải trả khác	2.431.468.406	9.330.196.736
Cộng	130.435.910.323	81.748.555.014

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
- Tài sản thừa chờ giải quyết	-	58.273.008
- Kinh phí công đoàn	639.169.002	1.024.222.629
- Bảo hiểm xã hội	657.667.924	514.214.744
- Bảo hiểm y tế	91.658.153	223.906.378
- Bảo hiểm thất nghiệp;	722.422.78	132.015.964
- Phải trả về cổ phần hoá;	1.595.560.000	1.595.560.000
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn;	5.340.000.000	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả;	466.666.666	19.485.080
- Phải trả lãi phát hành trái phiếu	252.083.333	-
- Phải trả các đơn vị trong tổ hợp VNECO	143.557.555	11.848.004.097
- Các khoản phải trả, phải nộp khác.	12.242.641.275	11.922.656.031
Cộng	21.501.246.186	27.338.337.931
b. Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	340.000.000
Cộng	-	340.000.000
c. Phải trả khác các bên liên quan		
- Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2	-	137.956.000
- Công ty CP Xây dựng điện VNECO 7	-	11.300.000.000
- Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	143.557.555	-
Cộng	143.557.555	11.437.956.000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Số 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MÃU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG**

	31/12/2015		Trong năm		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngân hàng	239.318.236.562	239.318.236.562	506.604.312.178	485.875.008.577	218.588.932.961	218.588.932.961
Ngân hàng TMCP Dầu tự & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Vân	124.689.725.739	124.689.725.739	371.948.396.667	370.351.942.005	123.093.271.077	123.093.271.077
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	52.518.960.181	52.518.960.181	71.893.684.748	91.508.383.209	72.133.658.642	72.133.658.642
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Đà Nẵng	28.792.684.240	28.792.684.240	28.792.684.240	-	-	-
Vay các ngân hàng khác	33.316.866.402	33.316.866.402	33.969.546.523	24.014.683.363	23.362.003.242	23.362.003.242
Vay tổ chức, cá nhân khác	500.000.000	500.000.000	500.000.000	3.892.230.000	3.892.230.000	3.892.230.000
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số V.20)	194.103.961.060	193.820.961.060	-	-	33.662.958.388	33.662.958.388
Tổng	433.922.197.622	433.639.197.622	507.104.312.178	489.767.238.577	256.144.121.349	256.144.121.349

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09A-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2015		Trong năm		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn	49.919.813.812	49.919.813.812	6.281.015.940	34.782.958.388	78.421.756.260	78.421.756.260
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển	3.200.000.000	3.200.000.000	4.320.000.000	7.600.000.000	6.480.000.000	6.480.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Đà Nẵng	1.666.135.940	1.666.135.940	1.319.015.940	145.480.000	492.600.000	492.600.000
Ngân hàng TMCP Công thương Bắc Đà Nẵng	4.411.677.872	4.411.677.872	-	2.860.000.000	7.271.677.872	7.271.677.872
Ngân hàng TMCP Hàng Hải - Chi nhánh	40.000.000.000	40.000.000.000	-	10.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển	-	-	-	14.177.478.388	14.177.478.388	14.177.478.388
Vay ngân hàng khác	642.000.000	642.000.000	642.000.000	-	-	-
Trái phiếu phát hành (*)	150.000.000.000	150.000.000.000	-	-	150.000.000.000	150.000.000.000
Cộng	199.919.813.812	199.919.813.812	6.281.015.940	34.782.958.388	228.421.756.260	228.421.756.260
Trừ: Nợ dài hạn đến hạn trả	194.103.961.060	193.820.961.060	-	-	33.662.958.388	33.662.958.388
(được trình bày ở phần Vay và nợ ngắn hạn)						
Cộng các khoản vay dài hạn	5.815.852.752	6.098.852.752	-	-	194.758.797.872	194.758.797.872

(*) Trái phiếu không chuyển đổi phát hành với thời hạn 24 tháng, kể từ ngày 19 tháng 12 năm 2014 nhằm tái cấu trúc nguồn vốn của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam. Mệnh giá trái phiếu phát hành là 150 tỷ, với lãi suất được xác định bằng 3,5%/năm + lãi suất tiền gửi tiết kiệm bằng Đồng Việt Nam, trả lãi sau, kỳ hạn 12 tháng được công bố tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Sở giao dịch tại ngày xác định lãi suất. Lãi suất trái phiếu được điều chỉnh 06 tháng một lần, lãi suất áp dụng đối với hai kỳ tính lãi đầu tiên là 10,5%/năm. Trái phiếu có tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại số 702 Nguyễn Kiệm, phường 04, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh, giá trị 24.164 triệu đồng; thửa đất số 839 và 882 phường Tân Phong, quận 7, TP. HCM, giá trị 34.530 triệu đồng; số 277 Bình Đông, Phường 14, quận 8, TP.HCM, giá trị 112.986 triệu đồng; 90 lô đất tại khu đô thị mới Mỹ Thượng, xã Phú Thượng, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế, giá trị 45.221 triệu đồng. Tổng giá trị đảm bảo tạm tính là 216.901.000.000 đồng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Số 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***MẪU SỐ B 09A-DN/HN****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****20. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Trong vòng một năm	194.103.961.060	33.662.958.388
Trong năm thứ hai	5.213.246.376	192.558.797.872
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	602.606.376	2.200.000.000
Sau năm năm	-	-
Cộng	199.919.813.812	228.421.756.260
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	194.103.961.060	33.662.958.388
Số phải trả sau 12 tháng	5.815.852.752	194.758.797.872

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Số 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***MẪU SỐ B 09A-DN/HN****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****21. VỐN CHỦ SỞ HỮU****a. Biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu		Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Vốn khác của chủ sở hữu		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Tổng cộng
	VND	VND		VND	VND			VND	VND		VND	VND	
Số dư tại ngày 01/01/2014	637.210.610.000	2.732.367.267	2.132.747.058	(32.633.932.993)	16.904.923.611	26.248.296	59.799.503.102	49.772.211.779	735.944.678.120				
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	-	88.991.805.283	4.073.608.613	93.065.413.896				
Phân phối lợi nhuận	-	-	494.345.858	-	-	-	(14.566.593.585)	-	(14.072.247.727)				
Trích quỹ	-	-	-	-	161.264.405	-	(161.264.405)	-	-				
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(1.684.125.474)	(1.684.125.474)				
Giảm vốn góp	-	-	-	-	-	-	-	(5.662.571.771)	(5.662.571.771)				
Giảm khác	-	-	-	670.294.846	(80.357.342)	-	-	-	589.937.504				
Số dư tại ngày 31/12/2014	637.210.610.000	2.732.367.267	2.627.092.916	(31.963.638.147)	16.985.830.674	26.248.296	134.063.450.395	46.499.123.147	808.181.084.548				
Vốn góp tăng trong năm (*)	124.243.270.000	(202.400.000)	-	-	-	-	-	-	124.040.870.000				
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	-	96.602.205.889	3.527.412.266	100.129.618.155				
Phân phối lợi nhuận	-	-	1.038.188.701	-	-	-	(1.038.188.701)	-	-				
Tăng khác	-	-	-	(302.800.000)	-	-	-	-	(302.800.000)				
Thoái vốn tại Công ty con	-	-	-	-	-	-	-	(1.643.660.365)	(1.643.660.365)				
Trích quỹ	-	-	-	-	-	-	(2.781.350.132)	(873.487.215)	(3.654.837.345)				
Trả cổ tức	62.121.170.000	-	-	-	-	-	(62.121.170.000)	(3.900.829.900)	(3.900.829.900)				
Tăng vốn tại công ty con	-	-	-	-	-	-	(3.100.144.273)	874.144.273	(2.226.000.000)				
Số dư tại ngày 31/12/2015	823.575.050.000	2.529.967.267	3.665.281.617	(32.266.438.147)	16.985.830.674	26.248.296	161.624.803.178	44.482.702.208	1.020.623.445.093				

(*) Vốn đầu tư chủ sở hữu tăng theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ/VNECO-DHDCD ngày 25 tháng 05 năm 2015 của Tổng Công ty về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 637.210.610.000 đồng lên 823.577.030.000 đồng theo hình thức phát hành cổ phiếu chia cổ tức năm 2014 và phát hành cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu. Theo Giấy chứng nhận số 64/GCN-UBCK ngày 01 tháng 09 năm 2015 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng cho Tổng Công ty, tổng số lượng cổ phiếu Tổng Công ty chào bán và phát hành là 18.636.642 cổ phiếu, tương đương với tổng giá trị là giá trị chào bán tính theo mệnh giá là 186.366.420.000 đồng. Tổng số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu là 124.040.870.000 đồng, trong đó vốn góp theo mệnh giá là 124.243.270.000 đồng và thặng dư vốn cổ phần là âm (-) 202.400.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

b. Cổ phiếu

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	82.357.505	63.721.061
- Cổ phiếu phổ thông	82.357.505	63.721.061
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	1.780.600	1.750.320
- Cổ phiếu phổ thông	1.780.600	1.750.320
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	80.576.905	61.970.741
- Cổ phiếu phổ thông	80.576.905	61.970.741
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

22. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Tổng Công ty có trụ sở đặt tại số Số 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Thành phố Đà Nẵng. Đồng thời, Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc và các công ty con tại các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Bình, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Đắk Lắk và Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, doanh thu bộ phận cho từng tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Bình, Thừa Thiên Huế, Đắk Lắk và Hồ Chí Minh, cũng như doanh thu tương đồng tại các tỉnh trên chưa chiếm đến 10% doanh thu phát sinh trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. Do đó, Tổng Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty được chia thành 04 (bốn) bộ phận hoạt động: bộ phận quản lý hợp đồng xây dựng; Bộ phận chuyên nhượng bất động sản, Bộ phận kinh doanh hàng hóa; và Bộ phận cung cấp dịch vụ. Tổng Công ty có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo bốn bộ phận kinh doanh này.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Số 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***MÃU SỐ B 09-DN/HN****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****22. Bộ phận bộ phận (Tiếp theo)**

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Hoạt động xây lắp		Kinh doanh bất động sản		Bán hàng hóa		Cung cấp dịch vụ và hoạt động khác		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Tài sản									
Tài sản bộ phận	563.552.410.438	840.974.718.329	10.226.993.708	129.114.870.211	1.543.868.992.686				
Tài sản không phân bổ					327.612.152.171				
Tổng tài sản					1.871.481.144.857				
Nợ phải trả									
Nợ phải trả bộ phận	341.970.856.793	194.411.677.872	2.676.445.579	3.517.096.663	542.576.076.907				
Nợ phải trả không phân bổ					308.281.622.857				
Tổng nợ phải trả					850.857.699.764				

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 01 tháng 01 năm 2015

	Hoạt động xây lắp		Kinh doanh BĐS		Bán hàng hóa		Cung cấp dịch vụ		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Tài sản									
Tài sản bộ phận	741.316.480.877	262.871.703.463	22.963.638.854	164.288.463.540	1.191.440.286.734				
Tài sản không phân bổ					425.751.668.627				
Tổng tài sản					1.617.191.955.361				
Nợ phải trả									
Nợ phải trả bộ phận	468.585.700.092	47.307.507.831	12.959.176.201	26.298.687.013	555.151.071.137				
Nợ phải trả không phân bổ					253.859.799.676				
Tổng nợ phải trả					809.010.870.813				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÃU SỐ B 09-DN/HN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

22. Bộ phận bộ phận (Tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Hoạt động xây lắp VND	Kinh doanh BĐS VND	Bán hàng hóa VND	Cung cấp dịch vụ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	919.088.434.382	42.107.126.342	32.518.928.232	49.837.359.951	1.043.551.848.907
Tổng doanh thu	919.088.434.382	42.107.126.342	32.518.928.232	49.837.359.951	1.043.551.848.907
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	750.810.019.637	41.657.014.911	31.849.086.180	51.085.935.831	875.402.056.559
Kết quả hoạt động kinh doanh					
Kết quả kinh doanh bộ phận	168.278.414.745	450.111.431	669.842.052	(1.248.575.880)	168.149.792.348
Chi phí không phân bổ					66.220.449.204
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					101.929.343.144
Phần lợi nhuận trong các công ty con, công ty liên kết					4.276.773.471
Doanh thu từ các khoản đầu tư					35.615.211.593
Lợi nhuận khác					21.558.068.769
Chi phí tài chính					34.427.860.270
Lợi nhuận trước thuế					128.951.536.707
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					29.202.973.018
Chi phí thuế TNDN hoãn lại					(381.054.466)
Lợi nhuận trong năm					100.129.618.155



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÃU SỐ B 09-DN/HN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

22. Bộ phận bộ phận (Tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Hoạt động xây lắp VND	Kinh doanh BĐS VND	Bán hàng hóa VND	Cung cấp dịch vụ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	899.565.454.614	40.821.044.647	39.165.320.620	55.266.517.789	1.034.818.337.670
Tổng doanh thu	899.565.454.614	40.821.044.647	39.165.320.620	55.266.517.789	1.034.818.337.670
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	607.488.612.228	32.568.039.084	25.835.781.824	55.625.957.652	721.518.390.788
Kết quả hoạt động kinh doanh					
Kết quả kinh doanh bộ phận	292.076.842.386	8.253.005.563	13.329.538.796	(359.439.863)	313.299.946.882
Chi phí không phân bổ					86.309.664.217
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					226.990.282.665
Phần lợi nhuận trong các công ty con, công ty liên kết					6.117.188.294
Doanh thu từ các khoản đầu tư					16.961.342.800
Lợi nhuận khác					(52.313.958.741)
Chi phí tài chính					75.482.710.374
Lợi nhuận trước thuế					122.272.144.644
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					12.529.769.678
Chi phí thuế TNDN hoãn lại					16.676.961.070
Lợi nhuận trong năm					93.065.413.896



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.043.584.739.816	1.034.933.001.313
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng	32.551.819.141	39.279.984.263
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	49.313.995.130	55.266.517.789
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	42.107.126.342	40.821.044.647
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	919.088.434.382	899.565.454.614
- Doanh thu khác	523.364.821	
Các khoản giảm trừ doanh thu	32.890.909	114.663.643
- Giảm giá hàng bán	-	114.663.643
- Hàng bán bị trả lại	32.890.909	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.043.551.848.907	1.034.818.337.670

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Giá vốn bán hàng hóa	31.729.549.283	25.835.781.824
Giá vốn cung cấp dịch vụ	50.696.497.472	55.625.957.652
Giá vốn kinh doanh Bất động sản	41.657.014.911	32.568.039.084
Giá vốn hoạt động xây lắp	750.810.019.637	607.488.612.228
Giá vốn khác	389.438.359	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	119.536.897	
Cộng	875.402.056.559	721.518.390.788

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	11.667.718.245	12.942.994.153
Lợi nhuận từ các khoản đầu tư	2.310.656.433	3.164.230.458
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	9.548.239	
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.506.406	2.014.286
Doanh thu hoạt động mua bán chứng khoán	21.622.782.270	852.103.903
Cộng	35.615.211.593	16.961.342.800

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí lãi vay	30.494.054.649	54.513.936.385
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	189.900.471	
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.723.496	
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	1.275
Lỗi chuyển nhượng chứng khoán	6.624.423.746	27.230.813.233
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(3.188.407.455)	(6.756.698.652)
Chi phí tài chính khác	303.165.363	494.658.133
Cộng	34.427.860.270	75.482.710.374

5. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Hoàn nhập chi phí trích trước công trình	1.364.659.373	-
Hoàn nhập bảo hành công trình	-	4.203.306.150
Thu nhập từ cho thuê tài sản	766.871.920	933.576.502
Thu từ nhận bồi thường, đền bù	-	168.618.030
Thu nhập khác từ xử lý công nợ khó đòi	26.150.488.965	-
Thanh lý tài sản cố định	735.884.251	1.145.535.424
Các khoản thu khác	860.191.570	1.552.195.129
Cộng	29.878.096.079	8.003.231.235

6. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí công trình không quyết toán	5.533.768.701	52.648.457.644
Các khoản phạt hành chính	1.254.441.114	2.191.062.695
Các khoản chi khác	1.531.817.495	5.477.669.637
Cộng	8.320.027.310	60.317.189.976

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

7. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

a. Lợi nhuận

Theo hướng dẫn trình bày chi tiêu “Mã số 70 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu” và “Mã số 71 - Lãi suy giảm trên cổ phiếu” trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, phần “Lợi nhuận/(Lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu và Lãi suy giảm trên cổ phiếu” được tính bằng “Lợi nhuận/(Lỗ) phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông” trừ (-) “Giá trị ước tính quỹ khen thưởng phúc lợi”. Đây là hướng dẫn mới nhất của Thông tư 200, nên số liệu so sánh năm 2014 được trình bày lại để so sánh năm 2014 và năm 2015 được hợp lý hơn và không mang tính chất Hội tố số liệu Báo cáo tài chính năm 2014.

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lợi nhuận/(lỗ) trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	96.602.205.889	88.991.805.283
Trừ: Quỹ khen thưởng phúc lợi được chia từ lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty	(4.458.705.878)	(1.730.314.502)
- Lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo riêng của Tổng Công ty	89.174.117.534	34.606.290.030
- Tỷ lệ trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	5%	5%
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	92.143.500.011	87.261.490.781

(i) Giá trị Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2014 là số liệu thực tế Tổng Công ty đã trích theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ/VNECO-DHĐCĐ ngày 25 tháng 05 năm 2015 của Tổng Công ty. Tỷ lệ trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2015 được giả định có tỷ lệ không đổi so với năm tài chính 2014.

b. Cổ phiếu

Số cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm:

	Năm 2015 Cổ phiếu	Năm 2014 Cổ phiếu
Số cổ phiếu lưu hành đầu năm	61.970.741	61.904.741
Số cổ phiếu lưu hành từ cổ tức được chia	6.212.117	6.212.117
Cộng: Số cổ phiếu bình quân phát hành tăng trong năm	1.255.139	-
Trừ: Cổ phiếu quỹ bình quân mua lại trong năm	(49)	(33.000)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	69.437.948	68.083.858

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

7. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU/LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU (TIẾP)

b. Cổ phiếu (Tiếp theo)

Trong năm 2015, Tổng Công ty thực hiện trả cổ tức bằng cổ phiếu với tổng giá trị là 62.121.170.000 đồng, tương đương với 6.212.117 cổ phiếu với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần từ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ/VNECO-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 05 năm 2015 của Tổng Công ty. Theo hướng dẫn tại Chuẩn mực Việt Nam số 30 “Lãi cơ bản trên cổ phiếu”, lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2014 được điều chỉnh do ảnh hưởng của yếu tố trên như sau:

	Số cổ phiếu lưu hành bình quân	Lãi cơ bản trên cổ phiếu
Trên Báo cáo tài chính 2014	61.871.741	1.438
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành bằng cổ tức năm 2015	6.212.117	(156)
Sau điều chỉnh	68.083.858	1.282

c. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.327	1.282
Mệnh giá cổ phiếu (đồng/cổ phần)	10.000	10.000

8. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	114.313.375.611	129.617.803.418
Chi phí nhân công	79.191.235.188	84.812.132.015
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.545.957.866	11.439.568.298
Chi phí dịch vụ mua ngoài	612.487.486.063	560.254.800.808
Chi phí khác bằng tiền	27.976.393.344	21.703.750.466
Cộng	845.514.448.072	807.828.055.005

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số V.19 và V.20 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Các khoản vay	439.738.050.374	450.902.919.221
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	109.511.515.958	241.697.097.103
Nợ thuần	330.226.534.416	209.205.822.118
Vốn chủ sở hữu	1.020.623.445.093	808.181.084.548
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	32,36%	25,89%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh IV.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	109.511.515.958	241.697.097.103
Phải thu khách hàng và phải thu khác	559.615.767.679	376.734.474.882
Đầu tư ngắn hạn	151.077.182.511	19.117.131.353
Đầu tư dài hạn	46.094.002.675	46.480.757.875
Các khoản ký quỹ	8.443.806.993	8.374.020.006
Cộng	874.742.275.816	692.403.481.219
Công nợ tài chính		
Các khoản vay và nợ	439.738.050.374	450.902.919.221
Phải trả người bán và phải trả khác	163.259.615.861	181.705.417.827
Chi phí phải trả	130.435.910.323	81.748.555.014
Cộng	733.433.576.558	714.356.892.062

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tuy nhiên, Tổng Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi ngoại tệ tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất là không đáng kể.

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Tổng Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Tổng Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Tổng Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu. Tổng Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là thấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu (Tiếp theo)

Tổng Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào Công ty con và Công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh. Các khoản đầu tư vào các Công ty con và Công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tổng Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu các bên liên quan. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan tại Thuyết minh VII.2.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	109.511.515.958	-	109.511.515.958
Phải thu khách hàng và phải thu khác	558.927.597.914	688.169.765	559.615.767.679
Đầu tư ngắn hạn	151.077.182.511		151.077.182.511
Đầu tư dài hạn	-	46.094.002.675	46.094.002.675
Các khoản ký quỹ	8.443.806.993	-	8.443.806.993
Cộng	827.960.103.376	46.782.172.440	874.742.275.816
31/12/2015			
Các khoản vay	433.922.197.622	5.815.852.752	439.738.050.374
Phải trả người bán và phải trả khác	163.259.615.861	-	163.259.615.861
Chi phí phải trả	130.435.910.323	-	130.435.910.323
Cộng	727.617.723.806	5.815.852.752	733.433.576.558
Chênh lệch thanh khoản thuần	100.342.379.570	40.966.319.688	141.308.699.258
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
01/01/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	241.697.097.103	-	241.697.097.103
Phải thu khách hàng và phải thu khác	376.734.474.882	-	376.734.474.882
Đầu tư ngắn hạn	19.117.131.353	-	19.117.131.353
Đầu tư dài hạn	-	46.480.757.875	46.480.757.875
Các khoản ký quỹ	374.020.006	8.000.000.000	8.374.020.006
Cộng	637.922.723.344	54.480.757.875	692.403.481.219
01/01/2015			
Các khoản vay	256.144.121.349	194.758.797.872	450.902.919.221
Phải trả người bán và phải trả khác	181.365.417.827	340.000.000	181.705.417.827
Chi phí phải trả	81.748.555.014	-	81.748.555.014
Cộng	519.258.094.190	195.098.797.872	714.356.892.062
Chênh lệch thanh khoản thuần	118.664.629.154	(140.618.039.997)	-21.953.410.843

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2	Công ty liên kết
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 5	Công ty liên kết
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 6	Công ty liên kết
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 7	Công ty liên kết
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	Công ty liên kết
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 11	Công ty liên kết

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm 2015</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2014</u> <u>VND</u>
Mua hàng		
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2	89.494.729.230	27.962.545.416
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 7	55.261.940.367	9.196.918.458
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	61.766.893.173	24.403.684.641
Cộng	206.523.562.770	61.563.148.515

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính

	<u>31/12/2015</u> <u>VND</u>	<u>01/01/2015</u> <u>VND</u>
Các khoản phải thu		
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2	741.189.509	616.277.161
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 7	3.441.202.176	21.883.502.829
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	703.872.540	614.349.120
Cộng	4.886.264.225	23.114.129.110
Các khoản phải trả		
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2	41.478.851.295	18.379.785.532
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 7	4.022.248.558	11.300.000.000
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	18.301.283.641	11.584.055.762
Cộng	63.802.383.494	41.263.841.294

Thu nhập và các khoản vay của Ban Tổng Giám đốc

	<u>Năm 2015</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2014</u> <u>VND</u>
Lương	2.728.923.000	2.187.337.600
Thù lao Hội đồng quản trị	479.750.000	396.000.000
Cộng	3.208.673.000	2.583.337.600

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

3. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2015 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh của các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất là số liệu tương ứng trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán. Tuy nhiên, một số số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được phân loại và trình bày lại theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Chi tiết như sau:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Số 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÃU SỐ B 09-DN/HN

BẢNG CÁN ĐỐI KẾ TOÁN

Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC		Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC		Chênh lệch
01/01/2015		01/01/2015		
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		
1. Chứng khoán kinh doanh	13.121.612.992	1. Đầu tư ngắn hạn	24.901.963.103	(11.780.350.111)
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(5.784.831.750)	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	(5.784.831.750)	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	11.780.350.111	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		
III. Các khoản phải thu ngắn hạn		3. Các khoản phải thu khác	276.205.294.418	11.780.350.111
3. Phải thu ngắn hạn khác	309.819.687.614	V. Tài sản ngắn hạn khác		
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	120.820.000	2. Tài sản ngắn hạn khác	33.735.213.196	33.614.393.196
V. Tài sản ngắn hạn khác		B. TÀI SẢN DÀI HẠN		
5. Tài sản ngắn hạn khác	-	IV. Tài sản dở dang dài hạn		
B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	250.640.553.141	(33.735.213.196)
IV. Tài sản dở dang dài hạn				
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	250.640.553.141			
NGUỒN VỐN				
C. NỢ PHẢI TRẢ		A. NỢ PHẢI TRẢ		
I. Nợ ngắn hạn		I. Nợ ngắn hạn		
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	256.144.121.349	1. Vay và nợ ngắn hạn	222.481.162.961	33.662.958.388
II. Nợ dài hạn		II. Nợ dài hạn		
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	194.758.797.872	1. Vay và nợ dài hạn	228.421.756.260	(33.662.958.388)
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		B. NGUỒN VỐN		
I. Vốn chủ sở hữu		I. Vốn chủ sở hữu		
1. Vốn góp của chủ sở hữu	637.210.610.000	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	637.210.610.000	-
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	637.210.610.000			
- Cổ phiếu ưu đãi	-			
5. Quỹ đầu tư phát triển	16.985.830.674	5. Quỹ đầu tư phát triển	6.089.067.818	10.896.762.856
		6. Quỹ dự phòng tài chính	10.896.762.856	(10.896.762.856)
8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	46.499.123.147	C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	46.499.123.147	



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Số 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

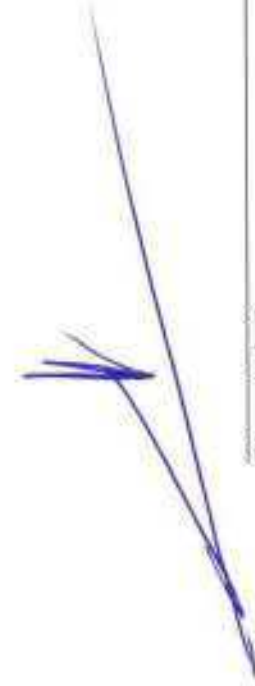
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.***MÃU SỐ B 09-DN/HN****VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****4. SỐ LIỆU SO SÁNH (TIẾP)**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			Chênh lệch
Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC	Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC	Năm 2014	
CHI TIÊU	Năm 2014	CHI TIÊU	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.034.933.001.313	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.035.008.396.911
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	114.663.643	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	190.059.241
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.034.818.337.670	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.034.818.337.670
			(75.395.598) (75.395.598)


Trần Quang Cầu**Người lập biểu**

Ngày 28 tháng 03 năm 2016


Phan Anh Quang**Kế toán trưởng****Đoàn Đức Hồng****Tổng Giám đốc**